



zào shēng

噪声

Noun · noise

Example Sentences

zhè tái jī qì chǎn shēng le hěn dà de zào shēng
这台机器产生了很大的噪声。

This machine produces a lot of noise.

gōng dì de zào shēng tài dà le wǒ wú fǎ zhuān xīn gōng zuò
工地的噪声太大了，我无法专心工作。

The noise from the construction site is too loud; I can't concentrate on my work.

Trace each character, then write the word on your own.

噪	噪	噪	噪	噪	噪	噪	噪	噪	噪	噪
噪	噪	噪	噪	噪	噪	噪	噪			
声	声	声	声	声	声	声	声	声	声	